TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Phú Sang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Phương**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Kim Quyên –** Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đ* *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Vịnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Hồ Thanh T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đ.

Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện C, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2016 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẩn do chị cho rằng anh T không chung thủy với chị và có người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, nên chị và anh T đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Hồ Phú Thịnh Khang, sinh ngày 10/8/2015. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Khang và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – Anh Hồ Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian anh, chị chung sống vợ chồng từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã F, huyện C, tỉnh Đ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn dẫn đến việc vợ chồng anh, chị thường xuyên gây gỗ, cải nhau là do anh, chị bất đồng ý kiến với nhau. Anh, chị đã ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Hồ Phú Thịnh Khang, sinh ngày 10/8/2015. Hiện cháu Khang đang sống chung với chị H. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khang và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Hồ Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Anh Hồ Thanh T là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố công nhận chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Hồ Thanh T thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất của chị H và anh T. Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Phú Thịnh Khang, sinh ngày 10/8/2015. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

* Về tố tụng:

[1] Do anh Hồ Thanh T là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

* Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ guyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T, trong quá trình làm việc, anh T cũng thừa nhận vợ chồng chung sống thường hay gây gỗ, cải nhau, hiện đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay và anh đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị H và anh T là tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận.

Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn".

[3] Về con chung: Chị H và anh T thống nhất có 01 con chung và khi ly hôn anh T đồng ý giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Hồ Phú Thịnh Khang, sinh ngày 10/8/2015. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc thoả thuận này do anh, chị tự nguyện, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 146, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Hồ Thanh T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Hồ Phú Thịnh Khang, sinh ngày 10/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm non con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Hồ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023883 ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ; Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- UBND xã F, huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Phú Sang